TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-PT
Ngày 25 - 8 - 2025
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 224/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1966; số CCCD: 096166010062, cấp ngày 11/8/2021; Địa chỉ cư trú: số A - B đường số C N, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Phường T, tỉnh Cà Mau; có mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Tạ Quốc N, sinh năm 1999; số CCCD: 096099009096, cấp ngày 30/7/2024; Địa chỉ cư trú: khóm F, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Phường T, tỉnh Cà Mau; Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024; có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Anh Đ – Công ty TNHH Đ1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H *(có mặt).*

2. Bị đơn: Ông Tô Lý T1, sinh năm: 1967; CCCD số 096067010874, cấp ngày 05/10/2022; Địa chỉ cư trú: Số A, đường Q, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Phường T, tỉnh Cà Mau; có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Long H – Công ty L1 và cộng sự; Địa chỉ: Số A, đường H, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau *(có mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Ngọc Ẩ, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Quán B, đường T, khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Phường T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt)*.

- Ông Nguyễn Phước H1; Địa chỉ cư trú: số B, T, khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Phường T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt)*.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị T (là nguyên đơn); Ông Tô Lý T1 (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1986, ông Tô Lý T1 và bà Võ Thị Thanh kết H2 và chung sống cùng gia đình cụ Tô Thành H3 (là ông nội của ông Tô Lý T1). Đến ngày 02/5/2008, bà Võ Thị T và ông Tô Lý T1 ly hôn *(theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 27/2008/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau),* về tài sản ông Tô Lý T1 và bà Võ Thị T không yêu cầu giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận. Do không thỏa thuận được việc phân chia nên bà Võ Thị T khởi kiện.

Tài sản mà bà Võ Thị T và ông Tô Lý T1 tranh chấp với nhau là phần đất có diện tích 1.000m^2, tọa lạc tại khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Phần đất tranh chấp này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất tranh chấp, Nhà nước đã thu hồi diện tích 245,5m^2 để thực hiện dự án Khu đô thị C và đã bồi thường cho ông Tô Lý T1 số tiền 24.550.000 đồng. Sau khi thu hồi đất, Nhà nước đã giao cho ông Tô Lý T1 một nền tái định cư và ông Tô Lý T1 chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V vào năm 2009 với giá 70.000.000 đồng. Ngày 31/8/2007, ông Tô Lý T1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P phần đất 420m^2 *(theo đo đạc thực tế là 388,7m^2)* với giá 340.000.000 đồng, phần đất này vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 đang cho ông Phan Ngọc Ẩ thuê sử dụng vào việc xây dựng quán B1. Phần đất còn lại thì bà Võ Thị T đang quản lý, sử dụng cất nhà ở vào năm 2016 với diện tích 407,2m^2.

Bà Võ Thị T cho rằng phần đất 1.000m^2 là do cụ Tô Thành H3 cho chung cho bà và ông Tô Lý T1 nên bà yêu cầu được chia ½ diện tích đất. Do ông Tô Lý T1 tự bán phần đất tái định cư *(do Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, tái định cư về đất để thực hiện dự án khu đô thị C)* và chuyển nhượng phần đất còn lại cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 mà không được sự thống nhất của bà. Phần đất còn lại mà bà đang quản lý, sử dụng cất nhà ở diện tích 407,2m^2, nên bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Lý T1 với vợ chồng ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P để giao thêm cho bà phần đất 92.8m^2. Đồng

thời, buộc ông Tô Lý T1 giao lại cho bà 50% giá trị đất mà Nhà nước thu hồi; 50% giá trị phần đất tái định cư mà ông Tô Lý T1 chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V.

Ông Tô Lý T1 cho rằng phần đất 1.000m^2 tại khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau là do ông nội của ông là cụ Tô Thành H3 cho riêng ông chứ không phải cho chung ông với bà Võ Thị T. Phần đất 407,2m^2 là do bà Võ Thị T tự ý xây cất nhà ở; Đối với phần đất nhà nước thu hồi có bồi thường thì ông đồng ý chia lại cho bà Võ Thị Thanh 5 giá trị; phần đất đã chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V, do thời gian lâu nên ông không nhớ là có chuyển nhượng hay không. Riêng phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 ông không có chuyển nhượng. Từ các lý do trên, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P xác định vào ngày 31/8/2007, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Tô Lý Thành P1 đất 420m^2 (theo đo đạc thực tế 388,7m^2) với giá là 340.000.000 đồng, đến ngày 06/02/2012 xác lập Hợp đồng chính thức và phần đất này ông đang cho ông Phan Ngọc Ẩ thuê để xây cất quán B1. Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng đất và giao trả đất.

Ông Phan Ngọc Ẩ xác định, ông đang thuê phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 sử dụng xây cất quán B1. Ông không có ý kiến về việc tranh chấp giữa bà Võ Thị T và ông Tô Lý T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị Thanh R lại yêu cầu ông Tô Lý T1 chia đôi số tiền 24.550.000 đồng do nhà nước bồi thường phần đất 245,5m^2 và chia đôi số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông Tô Lý T1 chuyển nhượng đất cho bà Phan Thúy V đối với nền tái định cư diện tích 95,78m^2.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 244/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc chia đôi phần đất diện tích 1000m^2 do cụ Tô Thành H3 để lại. Công nhận phần đất diện tích theo đo đạc 407,2m^2 thuộc thửa số 113, 114 và 115 tờ bản đồ số 12 (bản đồ chỉnh lý 2009) tọa lạc tại khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng.

- Buộc bị đơn ông Tô Lý T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch diện tích 92,8m^2 tương đương số tiền 464.649.600 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Lý T1 với ông Nguyễn Phước H1 và bà Dương Kim P ngày 31/8/2007 và ngày 06/02/2012 đối với phần đất diện tích 420m^2 (theo đo đạc 388,7m^2) tọa lạc tại khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút về việc buộc bị đơn chia đôi số tiền 24.550.000 đồng do nhà nước bồi thường phần đất 245,5m^2 và yêu

cầu bị đơn chia đôi số tiền 1.400.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V đối với nền tái định cư diện tích 95,78m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/09/2024, bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Lý T1 với ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P; trả lại cho nguyên đơn 92,8m^2 đất chứ không đồng ý nhận giá trị đất.

Cùng ngày, ông Tô Lý T1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà Võ Thị T về việc chia đôi phần đất 1.000m^2, không đồng ý việc công nhận phần đất theo đo đạt là 407,2m^2 cho bà Võ Thị T và không chấp nhận giao trả thêm cho bà Võ Thị T giá trị của 92,8m^2 đất vì phần đất là do ông Tô Thành H3 cho riêng ông (Tô Lý T1).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị T; ông Tô Lý T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận các kháng cáo của bà Võ Thị T và ông Tố Lý T2. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 224/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Võ Thị T và kháng cáo của ông Tô Lý T1 được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị Thanh R lại yêu cầu ông Tô Lý T1 chia đôi số tiền 24.550.000 đồng do nhà nước bồi thường phần đất 245,5m^2 và chia đôi số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông Tô Lý T1 chuyển nhượng đất cho bà Phan Thúy V đối với nền tái định cư diện tích 95,78m^2. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T là có căn cứ.

[3] Xét về nội dung tranh chấp và kháng cáo của các đương sự cho thấy:

Đối với tài sản tranh chấp, các bên đương sự thống nhất không yêu cầu đến diện tích phần đất do Nhà nước thu hồi thực hiện dự án và phần đất tái định cư được chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V, nên phần đất tranh chấp còn lại được xác định gồm có phần đất đang do bà Võ Thị Thanh quản L cất nhà ở bằng 407,2m^2 và phần đất đang do vợ chồng ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P nhận chuyển nhượng và cho ông Phan Ngọc Â thuê là 388,7m^2. Yêu cầu của nguyên đơn là được phân chia ½ diện tích đất bằng 500m^2.

Về nguồn gốc phần đất các bên đương sự thừa nhận là của cụ Tô Thành H3 *(là ông nội của ông Tô Lý T1)* tặng cho. Trong đó, bà Võ Thị T xác định là cụ Tô Thành H3 cho chung vợ chồng bà với ông Tô Lý T1 thông qua "Tờ cho đất" lập ngày 02/02/1986; "Giấy cho đất" lập ngày 19/8/1997 và "Giấy xác nhận cho đất lần thứ II" lập ngày 22/3/2015. Còn ông Tô Lý T1 xác định là cụ Tô Thành H3 cho đất riêng ông chứ không cho chung ông với bà Võ Thị T, thông qua "Giấy cho đất ruộng" lập ngày 14/01/1994; "Văn bản thỏa thuận về tài sản" được Văn phòng C chứng thực ngày 21/02/2014 và "Biên bản xác minh nguồn gốc đất" lập ngày 21/12/2006.

Ông Tô Lý T1 cho rằng, các giấy cho đất mà bà Võ Thị T xuất trình là do bà Võ Thị Thanh G tạo chứ không phải do cụ Tô Thành H3 xác lập nên ông yêu cầu Giám định để làm rõ. Ngoài ra, việc Nhà nước thu hồi phần đất lần thứ nhất là 323,7m^2 và thu hồi lần 2 là 245,5m^2 không xác định được có phải nằm trong diện tích 1.000m^2 được cụ Tô Thành H3 cho hay không và không rõ ai nhận tiền bồi thường; phần đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phước H1 không nằm trong diện tích đất 1.000m^2 được cụ Tô Thành H3 tặng cho.

Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông Tô Lý T1 nhưng cơ quan giám định không thực hiện được do không đủ điều kiện để giám định nhưng ông Tô Lý T1 không yêu cầu tiếp theo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/02/2025, ông Tô Lý T1 yêu cầu được giám định các giấy tờ liên quan đến việc cụ Tô Thành H3 cho đất và đã được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Tại Kết luận giám định số: 190/KL-KTHS ngày 24/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận *"Toàn bộ chữ viết, chữ ký đứng tên Tô Thành H3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; Chữ ký, chữ viết họ tên "Tô Thành H3" và nội dung "Tôi nhìn nhận có cho hai vợ chồng cháu trong lúc còn thuận thảo cùng chung sống nhau nên ký tên để làm bằng nếu tranh nhau cho lại 3 đứa cháu cố tôi" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; Chữ ký, chữ viết họ tên "Tô Thành Hiệp" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4; Chữ ký đứng tên Tô Thành H3 dưới mục "Người cho đất" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết, chữ ký tương ứng đứng tên Tô Thành H3 dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký ra"* . Từ kết luận giám định này cho thấy, trong các giấy tờ cho đất do cụ Tô Thành H3 xác lập thì "Giấy xác nhận cho đất lần II, ngày 22/3/2025 là giấy xác lập sau cùng và cụ Tô Thành H3 đã xác định phần đất 1.000m^2 được cho chung vợ chồng ông Tô Lý T1, bà Võ Thị T, chứ không có cho riêng ông Tô Lý T1". Tại thời điểm này, tuy phần đất không còn đủ 1.000m^2 nhưng từ đó cũng đã thể hiện ý chí của cụ Lê Thanh H4 cho đất chung cho cả hai vợ chồng ông Tô Lý T1, bà Võ Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2025, ông Tô Lý T1 đã xác định, ngoài phần đất nhà nước thu hồi, phần đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 và phần đất đang do bà Võ Thị Thanh quản L thì cụ Tô Thành H3 không còn phần đất nào khác. Trong khi đó, qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì đối với phần đất Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án khu đô thị C đã được Nhà nước

bồi thường và ông Tô Lý T1 là người nhận và thụ hưởng phần giá trị bồi thường; ông Tô Lý T1 cũng là người nhận phần hỗ trợ tái định cư nên ông Tô Lý T1 đã chuyển nhượng cho bà Phan Thúy V; ông Tô Lý T1 cũng là người thực hiện việc chuyển nhượng phần đất 420m^2 cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1. Tuy phần đất trên thực địa có nhiều hơn 1.000m^2 theo diện tích được xác lập tại các giấy cho đất nhưng ngoài diện tích đất mà bà Võ Thị T đang quản lý thì tất cả các phần diện tích đất còn lại đều do ông Tô Lý T1 là người giao dịch và thụ hưởng nên quyền lợi của ông Tô Lý T1 không bị thiệt hại. Đồng thời, qua đó cũng có căn cứ xác định diện tích đất nhà nước thu hồi, bồi thường; phần đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 và phần đất đang do bà Võ Thị Thanh quản L được xác định nằm trong diện tích phần đất mà cụ Tô Thành H3 cho vợ chồng ông Tô Lý T1, bà Võ Thị T.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần đất 1.000m^2 do cụ Tô Thành H3 để lại là tài sản chung của ông Tô Lý T1 và bà Võ Thị T nên chia đôi tài sản cho ông Tô Lý T1, bà Võ Thị T. Đồng thời xác định phần ông Tô Lý T1 được hưởng đã được ông Tô Lý T1 sử dụng và chuyển nhượng còn vượt quá ½ diện tích đất thuộc diện phân chia cho bà Võ Thị Thanh N1 ông Tô Lý T1 phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh P2 diện tích đất còn thiếu so với diện tích đất được phân chia là có căn cứ.

Trong diện tích đất nêu trên, ông Tô Lý T1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 diện tích 420m^2 vào năm 2007. Việc chuyển nhượng phần đất này không được sự đồng ý của bà Võ Thị Thanh T3 khi phần đất chuyển nhượng thuộc tài sản chung của bà Võ Thị T và ông Tô Lý T1 nên hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Tô Lý T1 với vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 là không đảm bảo về chủ thể theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng đã được các bên thực hiện từ năm 2007 và phần lớn diện tích đất chuyển nhượng cũng nằm trong diện tích đất thuộc diện phân chia cho ông Tô Lý T1. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng đất, nhận đất, đã đầu tư, xây dựng công trình trên đất và đã cho ông Phan Ngọc Ẩ thuê xây dựng cơ sở kinh doanh (Nhà hàng B2), bà Võ Thị T biết rõ nhưng không ngăn cản. Bà Võ Thị T cũng đã quản lý, sử dụng phần đất còn lại với diện tích 407,2m^2 để xây dựng nhà ở, tường rào khu đất từ năm 2016 cho đến nay. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Tô Lý T1 với vợ chồng ông Nguyễn Phước H1 để giao thêm cho bà Võ Thị T diện tích đất còn thiếu 92,8m^2 mà buộc ông Tô Lý T1 hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh B giá trị đối với diện tích đất còn thiếu là phù hợp với thực tế và có căn cứ pháp luật. Án sơ thẩm xác định phần đất phân chia và giữ nguyên cho bà Võ Thị T là phù hợp nhưng việc xác định vị trí phần đất chưa được rõ ràng nên cần thiết điều chỉnh cách tuyên về vị trí cụ thể của phần đất được giao cho bà Võ Thị T để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Xét về giá trị đất thì theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần T5, phần diện tích đất 92,8m^2 buộc ông Tô Lý T1 hoàn trả giá trị cho bà Võ Thị T được xác định giá trị bằng số tiền 464.649.600 đồng.

[5] Từ nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T và kháng cáo của ông Tô Lý T1. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 224/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp theo nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí đo đạc là 11.950.000 đồng và chi phí thẩm định giá bằng 21.800.000 đồng, tổng cộng bằng 33.750.000 đồng đã được bà Võ Thị T chi trả xong. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tô Lý T1 trả lại cho bà Võ Thị Thanh ½ chi phí tố tụng bằng 16.875.000 đồng là phù hợp. Chi phí giám định là 9.855.000 đồng ông Tô Lý T1 phải chịu.

[8] Bà Võ Thị T và ông Tô Lý T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo qui định chung.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T và kháng cáo của ông Tô Lý T1. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 224/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau *(hiện nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau).*

2. Căn cứ vào các Điều 28, 147, 148, 157, 161, 165, 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc chia đôi phần đất diện tích 1000m^2 và không chấp nhận yêu cầu về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Lý T1 với ông Nguyễn Phước H1, bà Dương Kim P.

Bà Võ Thị T được chia 500m^2 đất trong diện tích đất 1.000m^2 do cụ Tô Thành H3 tặng cho. Trong đó, bà Võ Thị T đang quản lý sử dụng 407,2m^2 nay được giữ y cho bà Võ Thị T. Vị trí phần đất thuộc thửa đất số 2, được xác định tại các mốc M2,M3,M4,M5,M6 tại Bản vẽ hiện trạng lập ngày 17/11/2023 của Trung tâm K *(kèm theo bản vẽ hiện trạng)*.

- Buộc ông Tô Lý T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị T giá trị phần diện tích đất còn lại là 92,8m^2 bằng số tiền 464.649.600 đồng *(Bốn trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).*

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị T về việc buộc ông Tô Lý T1 chia đôi số tiền 24.550.000 đồng (do nhà nước bồi thường phần đất 245,5m^2) và yêu cầu chia đôi số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông Tô Lý T1 đã chuyển nhượng phần đất tái định cư diện tích 95,78m^2 cho bà Phan Thúy V.

- Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc và thẩm định giá tổng cộng bằng 33.750.000 đồng, bà Võ Thị T đã chi trả xong. Buộc ông Tô Lý T1 hoàn lại cho bà Võ Thị Thanh ½ chi phí tố tụng bằng 16.875.000 đồng *(Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*, phần còn lại bà Võ Thị Thanh T4 chịu.

Ông Tô Lý T1 phải chịu chi phí giám định bằng số tiền 9.855.000 đồng, ông Tô Lý T1 đã thanh toán xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, ông Tô Lý T1 phải chịu 82.070.000 đồng. Bà Võ Thị T phải chịu 82.070.000 đồng án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, tổng cộng bằng 82.370.000 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí do bà Võ Thị Thanh D nộp là 875.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000817 ngày 25/9/2019 và 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003813 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, bà Võ Thị T phải tiếp tục nộp số tiền 81.195.000 đồng.

- Ông Tô Lý T1; bà Võ Thị Thanh M người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Võ Thị Thanh D nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0009270 ngày 11/09/2024 và ông Tô Lý T1 dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0009268 ngày 11/09/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau *(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án khu vực 1 – Cà Mau;
- Phòng THA dân sự khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương